TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Điểm
2. Ông Trần Văn Chiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Chúc L – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm canh khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Trúc L

Địa chỉ: Số 207D, khu vực YT, phường LB, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ – Có mặt

2. Bị đơn: Trương Thành H

Địa chỉ: Ấp TM, xã TPT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 6 năm 2018, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh Trương Thành H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, đăng ký kết hôn từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống khá hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh H không lo làm ăn, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên Trương Nguyễn Trúc M (nữ) sinh ngày 07/3/2011, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Trương Thành H quá trình tố tụng tại tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H đối với yêu cầu ly hôn của chị L.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H, xin được nuôi con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa chị L và anh H có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L và anh H đã sống ly thân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L khai có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Trúc M (nữ) sinh ngày 07/3/2011, cháu M hiện đang sống cùng chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu M. Do cháu M hiện đang sống cùng chị L, anh H suốt quá trình tố tụng không đến Tòa tham gia giải quyết vụ việc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị L, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị L đối với anh H với mức thấp nhất là ½ tháng lương tối thiểu bằng 695.000đồng.

Về nợ chung và tài sản chung chị L khai không có nên không đặt ra xem xét.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H, chấp nhận giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng và buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đồng. Về nợ chung và tài sản chung không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Thành H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H, căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị

L cho rằng anh H không lo làm ăn, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ, vợ chồng vì vậy thường cự cãi, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại chị L xác định không còn tình cảm với anh H nên chị xin ly hôn với anh H. Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, tại phiên tòa, anh H được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Thấy rằng, anh H không xem trọng mối quan hệ hôn nhân với chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L khai có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Trúc M (nữ) sinh ngày 07/3/2011. Xét thấy cháu M là nữ, hiện đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu M cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Anh H không đến tòa án để tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị L. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng với mức thấp nhất theo quy định của pháp luật vì anh H không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị L với mức thấp nhất là bằng ½ tháng lương tối thiểu tức bằng 695.000đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Anh Trương Thành H chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Trúc L ly hôn với anh Trương Thành H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Trúc M (nữ), sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Trúc L nuôi dưỡng. Buộc anh Trương Thành H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đồng (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Anh Trương Thành H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền

tạm ứng án phí chị L đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0014786 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị L đã nộp xong án phí). Anh Trương Thành H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) áp phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết canh khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã TPT
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên